

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày 15-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chính

Ông Lã Anh Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 4 năm 2023 và ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 232/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị A; cư trú tại: Số 111, đường 10 cũ, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Cù Thúy M - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Vũ Thị H; địa chỉ: Số 7/91 P, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đoàn Thị H1; địa chỉ: Ngách 20 ngõ 70 P, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Anh Vũ Đức M; địa chỉ: Số 135 P, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Anh Vũ Đức Q; địa chỉ: Số 7/91 P, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị Hồng G; cư trú tại: Số 111, đường 10 cũ, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 12 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đặng Thị A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà A có quan hệ xã hội thân thiết với bà Đoàn Thị H1 là mẹ đẻ của ông Vũ Mạnh C. Ngày 24/12/2017 âm lịch, ông Vũ Mạnh C và vợ là bà Vũ Thị H có đề nghị bà A cho vợ chồng ông C vay 01 cây vàng SJC để vợ chồng ông C lo việc gia đình. Ngày 27/12/2017 âm lịch, bà A cho vợ chồng ông C bà H vay 01 cây vàng SJC và 20 triệu đồng, ông C bà H hẹn tháng 6 năm 2018 sẽ trả bà A. Ngày 26/2/2018, ông C bà H tiếp tục vay bà A 20 triệu đồng hẹn một tháng sau trả bà A. Ngày 25/4/2018 vợ chồng ông C bà H vay của bà A 20 triệu đồng hẹn đến 25/5/2018 sẽ trả bà A. Tổng số tiền của các lần vay là 01 cây vàng SJC và 60 triệu đồng. Việc vay mượn tiền giữa bà A với ông C bà H đều lập giấy tờ viết tay, có chữ ký của ông C bà H. Đến ngày hẹn trả tiền, bà A đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông C bà H trả bà A số tiền và vàng đã vay, nhưng ông C bà H mới chỉ trả được cho bà A 10 triệu đồng. Tháng 8 năm 2018, ông C ốm chết. Bà A đã yêu cầu bà H và các con trả bà A số tiền và vàng còn nợ, nhưng họ chỉ trả thêm cho bà được 04 triệu đồng. Số tiền còn lại là 46 triệu đồng và 01 cây vàng SJC đến nay vẫn chưa trả. Vì vậy, bà A yêu cầu Tòa án nhân dân quận Kiến An giải quyết: Buộc bà Vũ Thị H phải trả ngay cho bà A số tiền quy đổi từ 01 cây vàng SJC vào ngày 05/12/2022 trị giá là 67.200.000 đồng và số tiền còn nợ là 46.000.000 đồng. Tổng cộng là 113.200.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

Tại đơn trình bày đề ngày 20 tháng 12 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Vũ Thị H trình bày: Bà xác nhận vợ chồng bà (Vũ Thị H và Vũ Mạnh C) có vay của bà Đặng Thị A tổng số tiền là 60.000.000 đồng và 01 cây vàng SJC, nhưng việc vay mượn là do chồng bà đứng ra vay, còn bà chỉ ký tên xác nhận vào các giấy tờ vay. Ngày 25/5/2018 âm lịch, vợ chồng bà đã trả được cho bà A 10.000.000 đồng, bà là người đã viết số tiền trả này vào giấy vay tiền. Ngày 21/8/2018, chồng bà ốm chết. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C hiện gồm có: Mẹ đẻ ông C - cụ Đoàn Thị H1, 02 người con đẻ của ông C - anh Vũ Đức M, anh Vũ Đức Q và bà. Sau khi ông C chết, gia đình bà đã trả được thêm cho bà A 20.000.000 đồng (trong đó con trai bà là Vũ Đức Q trực tiếp đưa cho chị G là cháu dâu bà A 02 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng; còn bà có tham gia chơi họ với chị G nên chị G đã trừ 16.000.000 đồng tiền bốc họ của bà trả vào khoản vay của bà A). Vì vậy, hiện bà chỉ còn nợ bà A 30.000.000 đồng và 01 cây vàng SJC. Bà

đồng ý với giá quy đổi 01 cây vàng SJC ra tiền bằng 67.200.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà vợ chồng bà còn nợ của bà A là 97.200.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi bảy triệu, hai trăm nghìn đồng). Do chồng bà chết không để lại tài sản gì nên hoàn cảnh hiện nay của bà rất khó khăn, bà đề nghị bà A cho bà được trả nợ dần số tiền trên mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, kể từ tháng 5/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 12 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Đức Q trình bày: Anh là con đẻ của ông Vũ Mạnh C và bà Vũ Thị H. Anh không biết việc vay nợ của bố anh (ông Vũ Mạnh C) với bà Đặng Thị A cụ thể như thế nào, mà chỉ nghe mẹ anh nói chuyện lại khi bố anh còn sống có vay nợ của bà A một số vàng và tiền nên bà A nhiều lần đến nhà đòi nợ. Ngày 21/8/2018, ông C chết nên khoản vay đó đến nay gia đình anh vẫn chưa trả hết được. Quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của bà A như sau: Đây là việc vay nợ giữa bố mẹ đẻ anh với bà A, anh không liên quan gì nên không có trách nhiệm phải trả nợ cho bà A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Đức M và bà Đoàn Thị HI mặc dù đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không đến Tòa án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng là chị Nguyễn Thị Hồng G khai: Chị là cháu dâu ngoại của bà Đặng Thị A và hiện sống cùng nhà với bà A. Chị được biết bà A có cho vợ chồng ông Vũ Mạnh C và bà Vũ Thị H vay nhiều lần với tổng số tiền là 60.000.000 đồng và 01 cây vàng SJC như bà A đã trình bày tại phiên tòa. Quá trình vay nợ ông C và bà H đã trả được cho bà A 10.000.000 đồng. Đến tháng 8/2018 ông C chết, chị và bà A đã nhiều lần đến nhà gặp bà H và anh Vũ Đức Q (ở cùng nhà với bà H) yêu cầu họ trả nốt số nợ còn lại. Anh Q đã đưa cho chị 02 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng để chị mang về trả cho bà A và chị đã đưa lại cho bà A số tiền này. Còn đối với số tiền 16.000.000 đồng mà bà H khai tại phiên tòa là tiền bà H có tham gia chơi ½ bát họ do chị cầm cái từ ngày 16/01/2020 đến ngày 16/3/2021 âm lịch là 16 kỳ (năm 2020 nhuận 02 tháng 4 âm lịch), nhưng vì bà H lấy họ ở kỳ thứ 9 nên số tiền họ bà H được lĩnh ½ bát họ bằng 13.900.000 đồng, chứ không phải được 16.000.000 đồng như bà H đã khai. Tuy nhiên, trước đó ông C - chồng bà H cũng tham gia chơi 01 bát họ khác do chị cầm cái từ ngày 20/02/2018 đến ngày 20/5/2019 âm lịch là 16 kỳ và ông C được lấy họ ở kỳ thứ 11 – ngày 20/12/2018. Nhưng đến tháng 8/2018 ông C chết nên bà H đã tham gia chơi vào suất của ông C và lấy số tiền họ này. Sau khi lấy họ, bà H sẽ phải đóng tiếp cho chị 05 kỳ, mỗi kỳ 2.000.000 đồng vào bát họ của ông C. Nhưng do bà H không đóng nên khi bà H lấy bát họ của bà H, chị và bà H đã thống nhất trích 10.000.000 đồng để đóng nốt vào bát họ của ông C, trả nợ cho chị 3.500.000 đồng là tiền ông C vay của chị, còn lại 400.000 đồng chị đã trả lại cho bà H bằng việc kỳ họ thứ 10 đối với bát họ của bà H, bà H chỉ phải đóng cho chị 600.000 đồng. Việc thỏa thuận này giữa chị và bà H không được lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau và đã thực hiện xong, không liên quan gì đến việc

vay nợ của vợ chồng bà H với bà A. Vì vậy, số tiền mà ông C bà H hiện còn nợ của bà A là 46.000.000 đồng và 01 cây vàng SJC.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp, yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiếp nhận các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, việc xác minh, thu thập chứng cứ, việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời hạn giải quyết vụ án và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa.

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 51, Điều 237, Điều 239 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là bà Vũ Thị H phải trả cho nguyên đơn là bà Đặng Thị A số tiền 113.200.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Vũ Thị H hiện cư trú tại: Số 7/91 P, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị H1, anh Vũ Đức M và anh Vũ Đức Q vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 113.200.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu, hai trăm nghìn đồng) là

tổng số nợ mà bị đơn còn nợ nguyên đơn gồm giá trị của 01 cây vàng SJC và 46.000.000 đồng, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Giấy vay vàng ngày 27/12/2017, Giấy vay tiền ngày 27/12/2017, Giấy vay tiền ngày 26/02/2018 âm lịch, Giấy vay tiền ngày 25/4/2018 âm lịch do nguyên đơn giao nộp thể hiện bên cho vay là bà Đặng Thị A và bên vay là ông Vũ Mạnh C và bà Vũ Thị H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H cũng thừa nhận vợ chồng bà có vay nợ của bà A số tiền và vàng đúng như bà A đã trình bày nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn khẳng định, bị đơn mới chỉ trả được cho nguyên đơn tổng số tiền là 14.000.000 đồng, trong đó việc trả số tiền 10.000.000 đồng được thể hiện trong giấy vay tiền ngày 25/4/2018 âm lịch bằng chữ viết của bà H khi ông C còn sống và 4.000.000 đồng do anh Q con trai của ông C bà H đưa cho chị G là cháu dâu của bà A mang về trả cho bà A sau khi ông C đã chết. Còn bị đơn cho rằng sau khi ông C chết, ngoài số tiền 4.000.000 đồng do anh Q con trai của bị đơn đưa cho chị G trả cho bà A, bị đơn còn trả thêm cho bà A được 16.000.000 đồng nữa bằng việc trừ vào tiền chơi họ với chị G, nhưng bị đơn lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc bị đơn đã nhờ chị G trả cho bà A số tiền này. Người làm chứng là chị Nguyễn Thị Hồng G cho rằng số tiền 16.000.000 đồng mà bị đơn khai đã nhờ chị trả cho bà A là tiền chơi họ giữa ông C và bà H với chị. Hội đồng xét xử thấy việc chơi họ giữa bị đơn với chị Nguyễn Thị Hồng G, không liên quan gì đến việc vay nợ giữa bị đơn với bà A; trường hợp các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện để giải quyết bằng 01 vụ án khác. Do bị đơn không chứng minh được việc đã trả cho nguyên đơn thêm số tiền là 16.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận ý kiến này của bị đơn. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét đây là khoản nợ chung của ông Vũ Mạnh C và bà Vũ Thị H đối với bà Đặng Thị A, do ông C đã chết và không để lại tài sản gì nên bà Vũ Thị H phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay này cho bà Đặng Thị A theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất với mức quy đổi 01 cây vàng SJC bằng 67.200.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận này của các bên. Vì vậy, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ là 113.200.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là 5.660.000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các điều 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Vũ Thị H phải trả cho bà Đặng Thị A số tiền 113.200.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị H phải nộp 5.660.000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VP; hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Bình

